TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 69/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26- 5-2023
V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH,TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Huỳnh Văn Năng
2/ Bà Mai Hồng Thắm
-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành th*am gia phiên tòa*: Bà Cao Thị Thu Hồng Em- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2023/TLST- HNGĐ ngày 6 tháng 2 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2022/QĐST-HNGĐ ngày 9/5/2023 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn*: Chị Trương Thị Hồng N, sinh năm: 1983 (có mặt).
Nơi cư trú: Tổ 18, ấp B, xã A huyện C, An Giang

2.*Bị đơn*: Anh Lê Hồng P, sinh năm: 1984 (có mặt)
Nơi cư trú: Tổ 19, ấp B, xã A, huyện C, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 16/08//2022, nguyên đơn chị Trương Thị Hồng N trình bày:
-*Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Lê Hồng P kết hôn với nhau vào năm 2016, hôn nhân do quen biết, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn chị về chung sống với gia đình cha mẹ chồng. Chị và anh P sống êm ấm được khoảng 3 năm, thì phát sinh mâu thuẩn, do bất đồng trong cuộc sống, ông P sinh ra ăn chơi, gây nợ nần, không chí thú làm ăn, ít quan tâm đến gia đình vợ con..Từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không tin

tưởng nhau nữa. Nên vợ chồng luôn bất hòa, gia đình không còn êm ấm chị và anh P ly thân nhau từ tháng 9 năm 2022. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Lê Hồng P.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên là Lê Trương Hoàng H, sinh ngày 24/10/2017. Thời gian vợ chồng sống chung thì cháu H sống với chị và anh P, sau này khi vợ chồng ly thân thì cháu sống bên gia đình anh P nhưng hiện tại cháu đang sinh sống cùng với chị. Sau ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu H, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Lê Hồng P***:** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Lê Hồng P vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do. Ngày 24/2/2023 anh Lê Hồng P có gửi đến Tòa án tờ ghi ý kiến trình bày như sau: Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Trương Thị Hồng N kết hôn năm 2016, hôn nhân do quen, có tổ chức đám cưới theo phong tục. có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Hòa. Theo thỏa thuận cô N làm dâu, nhưng từ khi cưới cho đến tận ngày hôm nay không chịu ngủ đêm ở nhà anh mà bắt anh phải lên nhà vợ ngủ. Nguyên nhân mâu thuẩn là do cô Nga có tình cảm với người khác không muốn sống với anh nên nộp đơn ly hôn. Từ năm 2018 anh và cô N không còn sống chung. Anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên là Lê Trương Hoàng H, sinh ngày 24/10/2017. Con do tôi và cha mẹ tôi nuôi từ nhỏ cho đến nay. Con tôi được đi học đàng hoàng. Thời gian gần đây cô N xin rước cháu về nhà chơi nhưng sau đó không đem giao trả lại cháu H. Tôi yêu cầu ổn định cuộc sống hiện tại cho con tôi. Tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: khôn có.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng. Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan.Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N và anh P. Về con chung: Đề nghị giao cháu H cho chị N nuôi dưỡng, Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định***:**

[1] Về quan hệ hôn nhân**:** Chị Trương Thị Hồng N và anh Lê Hồng P kết hôn với nhau vào năm 2016, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo đơn chị Nga trình bày sau khi kết hôn chị về chung sống với gia đình cha mẹ chồng. Anh chị sống êm ấm được khoảng 3 năm, thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong cuộc sống, anh P sinh ra ăn chơi, gây nợ nần, không chí thú làm ăn, ít quan tâm đến gia đình vợ con..Từ đó dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau nữa. Hiện tại chị xác định không còn tình cảm với anh Phát. Đối với anh Lê Hồng P thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N có tình cảm với người khác không muốn sống với anh nên nộp đơn ly hôn. Từ năm 2018 anh và chị N không còn sống chung. Anh đồng ý ly hôn. Xét thấy trong thời gian chung sống đã có sự phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai không có tìm ra biện pháp ổn thỏa để hàn gắn tình cảm vợ chồng, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng thêm trầm trọng. Trong thời gian ly thân vợ chồng cũng không quan tâm đến nhau, hiện tại chị Nga xác định không còn tình cảm với anh P. Tại phiên tòa chị N vẫn cương quyết xin ly hôn và anh Pcũng đồng ý ly hôn. Do đó, hôn nhân của chị Nga và anh Pkhông thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Hồng N và anh Lê Hồng P là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2]Về con chung: Có 01 con chung tên là Lê Trương Hoàng H, sinh ngày 24/10/2017. Theo chị N trình bày thời gian đầu vợ chồng sống chung thì cháu Huy sống với chị và anh P, sau này khi vợ chồng ly thân thì cháu sống bên gia đình anh P nhưng hiện tại cháu đang sinh sống cùng với chị. Sau ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu Huy, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 24/2/2023 và tại phiên tòa hôm nay anh Pcũng trình bày anh và chị N có 01 con chung tên là Lê Trương Hoàng H, sinh ngày 24/10/2017, cháu H là do anh và cha mẹ anh nuôi từ nhỏ cho đến nay, cháu H được đi học đàng hoàng. Anh yêu cầu ổn định cuộc sống hiện tại cho con, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Xét thấy cháu H từ nhỏ đã sống với cha mẹ, nhưng từ khi chị N và anh P ly thân thì cháu sống với anh P nhưng hiện tại cháu đang sống với chị N. Tại phiên tòa hôm nay cháu H trình bày là có nguyện vọng sống với chị N, sau khi cha mẹ ly hôn. Còn anh P yêu cầu nuôi con nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ kiện và cũng như tại phiên tòa hôm nay anh cũng không cung cấp được các chứng cứ chứng minh cho việc bảo đảm yêu cầu nuôi con của mình. Còn chị N có cung cấp chứng cứ cho Tòa án là phụ lục hợp đồng lao động tại công ty trách nhiệm hữu hạn SAMHO, phiếu lương tháng 3 năm 2023 tại Công ty SAMHO chứng tỏ chị Nga có nguồn thu nhập đảm bảo cho việc nuôi dưỡng cháu H. Mặt khác cháu H cũng còn nhỏ cần có sự gần gũi chăm sóc của người mẹ, còn anh P yêu cầu nuôi con nhưng tại phiên tòa hôm nay anh cho rằng anh không có ở nhà thường xuyên, anh đi làm

ở Kiên Giang chừng hai đến ba tháng mới về nhà, anh chỉ gửi tiền về cha mẹ nuôi cháu Huy, cháu Huy thường sống với ông bà nội, nhưng cha mẹ của anh cũng đã lớn tuổi nên không bảo đảm cho việc chăm sóc cháu. Do đó để tạo điều kiện cho chị N chăm sóc cháu, nghĩ nên để chị Nga được nuôi cháu Huy là phù hợp, anh P không cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng. Chị Nga phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh Pđược quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi anh thực hiện quyền này**.**

[3] Về tài sản và nợ chung: Chị Trương Thị Hồng N và anh Lê Hồng P trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí**:** Do yêu cầu của Chị Trương Thị Hồng N được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên***,**

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 9, 55, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trương Thị Hồng N. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Hồng N và anh Lê Hồng P.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 173/KH, ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2.Về con chung: Có 01 con chung tên là Lê Trương Hoàng Huy, sinh ngày 24/10/2017. Hiện cháu đang sống với chị Nga. Sau ly hôn chị Nga được nuôi dưỡng cháu Huy, anh Pkhông phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Nga phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh Pđược quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở khi anh thực hiện quyền này.

3.Về tài sản và nợ chung: Chị Trương Thị Hồng N và anh Lê Hồng P trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4.Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trương Thị Hồng N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004096 ngày 6/2/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5.Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị Hồng N và anh Lê Hồng P có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/5/2023).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
-VKSND huyện Châu Thành;
-Chi cục THA.DS huyện;
-Cơ quan đăng ký kết hôn;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Mỹ Dung